Ký bởi: Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch
Cơ quan: Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch

Phụ lục I

DANH MỤC HÓA CHẤT KHÔNG ĐƯỢC SỬ DỤNG THUỘC LĨNH VỰC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

(Kèm theo Thông tư số 14 /2026/TT-BVHTTDL ngày 03 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

STT	Tên Hóa chất	Mã số CAS
I	**Lĩnh vực Xuất bản, In và Phát hành** ***(Chỉ áp dụng đối với mực in bao bì thực phẩm)***	
1	Áp dụng theo Phụ lục A Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 13928:2023	
II	**Lĩnh vực thư viện**	
1.	Copper (II) sulfate pentahydrate	7758-99-8
2.	Formaldehyde	50-00-0
3.	Toluene	108-88-3
4.	n-hexane	110-54-3
III	**Lĩnh vực di sản văn hóa**	
A	**Hóa chất dùng chung**	
1.	Formaldehyde	50-00-0
2.	Benzene	71-43-2
3.	Tetrachloromethane	56-23-5
4.	Sodium hypochlorite	7681-52-9
B	**Bảo tàng**	
1.	Methyl bromide	74-83-9
2.	Mercury dichloride	7487-94-7
3.	Diarsenic trioxide	1327-53-3
4.	1,1,1-Trichloro-2,2-bis (4-chlorophenyl) ethane	50-29-3
5.	1,2,3,4,5,6-Hexachlorocyclohexane	58-89-9
6.	Oxirane	75-21-8
7.	Phosphine	7803-51-2
8.	Thymol	89-83-8
9.	n-hexane	110-54-3
10.	1,1,2-Trichloroethene	79-01-6
11.	Potassium cyanide	151-50-8
12.	Dipotassium heptaoxidodichromate	7778-50-9

13.	Mercury dinitrate	10045-94-0
14.	Phenol	108-95-2
15.	Chrysotile	12001-29-5
C	**Bảo tồn di tích**	
1.	Dichloromethane	75-09-2
2.	Naphthalene	91-20-3
3.	Mercury compounds	Theo hợp chất cụ thể
4.	Sulfuric acid	7664-93-9
5.	Nitric acid	7697-37-2
6.	Hydrochloric acid	7647-01-0
7.	Sodium hydroxide	1310-73-2
8.	Calcium dihypochlorite	7778-54-3
9.	Hydrofluoric acid	7664-39-3
10.	Ammonia	7664-41-7
11.	Ammonium hydroxide	1336-21-6